TRƯỜNG ĐẠI HỌC
CÔNG NGHỆ ĐỒNG NAI

CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO

Ngành đào tạo: **Truyền thông đa phương tiện**
Trình độ đào tạo: **Đại học**
Loại hình đào tạo: **Chính quy**
Thời gian đào tạo: **4 năm**
Văn bằng: **Cử nhân**
Khóa đào tạo: **Khóa 20 (2024 - 2028)**
Tổng số tín chỉ tích luỹ toàn khoá: **126**

Các học phần (*) không tính trung bình chung tích lũy vào kết quả học tập.

HỌC KỲ 1: 05 tín chỉ tích lũy (bắt buộc: 05, tự chọn: 0)					
Mã học phần	**Tên học phần**	**Số tín chỉ**	**Tổng số tiết**	**Tiết lý thuyết**	**Tiết thực hành**
Học phần bắt buộc		**5**			
CB71101	Môi trường và phát triển bền vững	2	45	15	30
CB70301	Key English 1 (**)	3	45	45	0
CB70302	Key English 2 (**)	3	45	45	0
CB70303	Key English 3 (**)	3	45	45	0
CB70304	English Speaking Community (**)	2	30	30	0
CB70303	Kỹ năng nói trước công chúng	1	15	15	0
TT70105	Nhập môn Truyền thông đa phương tiện	2	45	15	30
HỌC KỲ 2: 22 tín chỉ tích lũy (bắt buộc: 22, tự chọn: 0)					
Mã học phần	**Tên học phần**	**Số tín chỉ**	**Tổng số tiết**	**Tiết lý thuyết**	**Tiết thực hành**
Học phần bắt buộc		**22**			
CB70101	Triết học Mác - Lênin	3	45	45	0
CB70305	Intensive English 1	4	60	60	0
CB70301	Tin học ứng dụng I	2	45	15	30
CB70304	Kỹ năng quản lý cảm xúc	1	15	15	0

TT70101	Ứng dụng AI trong truyền thông	2	45	15	30
TT70102	Lý thuyết truyền thông	2	45	15	30
TT70104	Quản trị học	2	45	15	30
TT70107	Thực hành phần mềm ứng dụng I	2	45	15	30
TT70113	Kỹ thuật quay phim và biên tập video	2	60	0	60
TT70114	Kỹ thuật nhiếp ảnh số	2	60	0	60
HỌC KỲ 3: 21 tín chỉ tích lũy (bắt buộc: 20, tự chọn: 1)					
Mã học phần	**Tên học phần**	**Số tín chỉ**	**Tổng số tiết**	**Tiết lý thuyết**	**Tiết thực hành**
Học phần bắt buộc		**20**			
CB71401	Giáo dục thể chất I (Bơi lội)*	1	30	0	30
CB70102	Kinh tế chính trị Mác - Lênin	2	30	30	0
CB70106	Pháp luật đại cương	2	30	30	0
CB70205	Thống kê ứng dụng	2	30	30	0
CB71102	Tâm lý học hành vi	2	45	15	30
CB70306	Intensive English 2	4	60	60	0
CB70302	Tin học ứng dụng II	2	45	15	30
CB70305	Kỹ năng giao tiếp và tạo dựng quan hệ	2	30	30	0
TT70106	Cơ sở lý luận báo chí và truyền thông	2	45	15	30
TT70108	Thực hành phần mềm ứng dụng II	2	45	15	30
Học phần tự chọn (Chọn 1 trong 3 học phần)		**0**			
CB71402	Giáo dục thể chất II (Bóng đá)(*)	1	30	0	30
CB71403	Giáo dục thể chất II (Bóng chuyền)(*)	1	30	0	30
CB71404	Giáo dục thể chất II (Cầu lông)(*)	1	30	0	30
HỌC KỲ 4: 21 tín chỉ tích lũy (bắt buộc: 21, tự chọn: 0)					

Mã học phần	Tên học phần	Số tín chỉ	Tổng số tiết	Tiết lý thuyết	Tiết thực hành
Học phần bắt buộc		**15**			
CB70401	Giáo dục Quốc phòng - An ninh 1 (*)	3	45	45	0
CB70402	Giáo dục Quốc phòng - An ninh 2 (*)	2	30	30	0
CB70403	Giáo dục Quốc phòng - An ninh 3 (*)	1	30	0	30
CB70404	Giáo dục Quốc phòng - An ninh 4 (*)	2	60	0	60
CB70103	Chủ nghĩa xã hội khoa học	2	30	30	0
CB70307	Intensive English 3	4	60	60	0
CB70306	Kỹ năng đàm phán, thương lượng	2	30	30	0
TT70103	Ngôn ngữ truyền thông	2	45	15	30
TT70109	Truyền thông: Lý thuyết, mô hình và kỹ năng	2	45	15	30
TT70112	Nguyên lý thiết kế Website I	2	45	15	30
TT70116	Tâm lý quảng cáo truyền thông	2	45	15	30
TT70117	Quảng cáo và xúc tiến bán hàng	2	45	15	30
TT70118	Viết và biên tập trong báo chí	3	75	15	60
Học phần tự chọn (Chọn 1 trong 3 học phần)		**0**			
CB71405	Giáo dục thể chất III (Fitness)(*)	1	30	0	30
CB71406	Giáo dục thể chất III (Dancesport)(*)	1	30	0	30
CB71407	Giáo dục thể chất III (Bóng rổ)(*)	1	30	0	30
CB71408	Giáo dục thể chất III (Võ thuật)(*)	1	30	0	30
HỌC KỲ 5: 21 tín chỉ tích lũy (bắt buộc: 21, tự chọn: 0)					
Mã học phần	**Tên học phần**	**Số tín chỉ**	**Tổng số tiết**	**Tiết lý thuyết**	**Tiết thực hành**
Học phần bắt buộc		**21**			
CB70105	Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam	2	30	30	0

CB70104	Tư tưởng Hồ Chí Minh	2	30	30	0
CB70308	Intensive English 4	4	60	60	0
TT70111	Ứng dụng đồ họa đa phương tiện	2	45	15	30
TT70115	Nguyên lý thiết kế Website II	2	45	15	30
TT70119	Truyền thông quốc tế	3	75	15	60
TT70120	Tổ chức và quản lý sự kiện	3	75	15	60
TT70121	Kỹ thuật trường quay	3	75	15	60
HỌC KỲ 6: 21 tín chỉ tích lũy (bắt buộc: 21, tự chọn: 0)					
Mã học phần	**Tên học phần**	**Số tín chỉ**	**Tổng số tiết**	**Tiết lý thuyết**	**Tiết thực hành**
Học phần bắt buộc		**21**			
TT70122	Sản xuất chương trình truyền thông trên nền tảng số	3	75	15	60
TT70123	Nghiệp vụ đạo diễn	3	75	15	60
TT70124	Thiết kế đồ họa cho quảng cáo xã hội và thương mại	3	75	15	60
TT70125	Sản xuất quảng cáo TVC I	3	75	15	60
TT70126	Truyền thông số: Kịch bản và sản xuất	3	75	15	60
TT70127	Sản xuất truyền thông số nâng cao	3	75	15	60
TT70128	Sản xuất quảng cáo TVC II	3	75	15	60
HỌC KỲ 7: 04 tín chỉ tích lũy (bắt buộc: 04, tự chọn: 0)					
Mã học phần	**Tên học phần**	**Số tín chỉ**	**Tổng số tiết**	**Tiết lý thuyết**	**Tiết thực hành**
Học phần bắt buộc		**4**			
TT71131	Truyền thông, thông tin bằng hình ảnh	2			
TT71132	Quảng cáo thông minh	2			
HỌC KỲ 8: 12 tín chỉ tích lũy (bắt buộc: 12, tự chọn: 0)					
Mã học phần	**Tên học phần**	**Số tín chỉ**	**Tổng số tiết**	**Tiết lý thuyết**	**Tiết thực hành**
Thực tập nghề nghiệp, thực tập tốt nghiệp		***7***			

TT70129	Thực tập tốt nghiệp	7	420	0	0
Khóa luận tốt nghiệp		***5***			
TT70130	Đồ án tốt nghiệp/thay thế tốt nghiệp	5	135	15	0